Tên: ……...

Lớp: S4…

Ngày giao bài: Thứ …, ngày …./….

Ngày nộp bài: Thứ …, ngày …./….

Từ vựng & Ngữ pháp HW: ……

Nghe HW: ……

GE4 - Unit 9: School's Out! - Vocabulary 1 & KET Listening

A. THEORY

I. VOCABULARY: Trip essentials

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**pet rocks** (n)	những viên đá thú cưng (đá trang trí vui nhộn)	7	**go rock climbing** (phr)	đi leo núi đá
2	**friendship bracelets** (n)	những cái vòng tay tình bạn	8	**explore a new place** (phr)	khám phá một nơi mới
3	**wall painting** (n)	tranh vẽ trên tường	9	**sun cream** (n)	kem chống nắng
4	**nature trail** (n)	đường mòn trong thiên nhiên	10	**sleeping bag** (n)	túi ngủ
5	**survive in the wild** (phr)	sống sót trong tự nhiên hoang dã	11	**waterproof jacket** (n)	áo khoác chống nước
6	**make a den** (phr)	làm một cái lều/ nơi trú ẩn	12	**insect repellent** (n)	thuốc/xịt chống côn trùng

II. KET LISTENING

1. Extra vocabulary: CLASSWORK

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**calendar** (n)	lịch	4	**print** (v)	in ấn
2	**include** (v)	bao gồm	5	**front cover** (n)	bìa trước
3	**drawing** (n)	bức vẽ, tranh vẽ	6	**department** (n)	khoa (trong trường)

**Note:* *n = noun: danh từ;* *v = verb: động từ;* *phr = phrase: cụm từ.*

2. Method: Answer prediction

Bước 1: Đọc câu hỏi kỹ → gạch chân từ khóa (day, place, time, thing…).

Bước 2: Đoán chủ đề cần điền → là người, địa điểm, giờ, đồ vật hay hành động.

Bước 3: Nghe cẩn thận → tìm chi tiết trùng với từ khóa, chú ý cách nói đồng nghĩa.

Bước 4: Kiểm tra lại → điền xong đọc cả câu, xem có hợp ngữ cảnh & ngữ pháp không.

Ví dụ:

Bước 1: Đọc kỹ câu hỏi

Câu: *" For next: _____"* → yêu cầu xác định **thời gian trong tương lai**.

Bước 2: Đoán chủ đề

Đoán: Có thể cần điền một từ chỉ thời gian như: *week, month, year…*

Bước 3: Nghe script

Script: *Woman: Last year's school calendar was very popular. Because of this, we are going to make another one, ready for next year.*

LIVEWORKSHEETS

👉 Nghe rõ cụm từ: **"ready for next year."**

👉 Từ cần điền sau "next" là **year**.

Bước 4: Kiểm tra lại

Đọc lại câu: " For next: **year**" → Cụm "next year" là cụm chỉ thời gian đúng ngữ pháp.

Kết luận: Câu trả lời chính xác là **year**.

B. CLASSWORK

I. Pre-listening: Look at the School Calendar form. Circle the type of word you think is missing.

Question	What kind of word do you need?		
6	a. Number	b. Month	c. Name
7	a. Date	b. Colour	c. Subject
8	a. Number	b. Month	c. Colour
9	a. Day	b. Name	c. Number
10	a. Name	b. Month	c. Colour

II. For each question, choose the correct answer.

KET PART 2 – 5 questions

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/s4-w28-classwork-ket-part-2

For each question, write the correct answer in the gap.

Write **one word** or **a number** or **a date** or **a time**.

You will hear a teacher talking to a group of students about a school calendar.

School Calendar

For next:	*year*
Start to sell calendars in:	(6) .....
Last date to enter competition:	(7) .....
Front picture will be:	(8) in .....
Total number of pictures:	(9) .....
Send your pictures to:	(10) Mrs .....

LIVEWORKSHEETS

C. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (16 questions)

I. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ ở mục I. VOCABULARY: Trip essentials và KET LISTENING 1. Extra vocabulary (trang 1) 1 dòng vào vở ghi.

II. Read and fill in the blanks with the given phrases.

~~*sleeping bag*~~	explore a new place	waterproof jacket
friendship bracelets	insect repellent	wall painting

0. I put my sleeping bag on the ground before going to sleep in the tent.

1. My best friend and I made colourful ..... to remember each other.
2. On holiday, we like to ..... and try different food.
3. We used ..... to keep mosquitoes away at night.
4. There is a beautiful ..... of animals in our school library.
5. She wore a(n) ..... because it was raining during the trip.

III. Read the text and choose the correct answers.

Trip Essentials



Last summer, our class went on a camping trip in the mountains. Before the trip, our teacher told us to prepare some important trip essentials.

First, we needed a sleeping bag to stay warm at night. The weather in the mountains can be cold. We also had to bring a waterproof jacket because it sometimes rains in the afternoon. To protect our skin from the sun, we used sun cream. At night, we used insect repellent to keep mosquitoes away.

During the trip, we walked along a beautiful nature trail and saw many trees and birds. Some students tried to go rock climbing with the teacher. It was exciting but safe. We also learned how to make a den using branches and leaves. The teacher said this skill is useful if we want to survive in the wild.

LIVEWORKSHEETS

In the evening, we made friendship bracelets and gave them to our best friends. One group even made funny pet rocks and drew faces on them. Before going home, we painted a big wall painting together to remember the trip.

Camping is a great way to explore a new place and learn new skills.

0. What is the main idea of the text?

(A.) A camping trip and the things students needed

B. How to draw a wall painting

C. Famous mountains in the country

1. Why did students bring sleeping bags?

A. To sit on the ground

B. To stay warm at night

C. To carry their clothes

2. What did students use to protect their skin?

A. Insect repellent

B. Sun cream

C. Waterproof jacket

3. What activity did some students try with the teacher?

A. Make a den

B. Paint pictures

C. Go rock climbing

4. Why did students learn to make a den?

A. To survive in the wild

B. To decorate the campsite

C. To play a game

5. What did students make in the evening?

A. Friendship bracelets and pet rocks

B. Sleeping bags

C. Sun cream

***6. If you go on a camping trip, what will you bring?**

→ .....

IV. Fill in the blanks with HAVE TO / DON'T HAVE TO / HAS TO / DOESN'T HAVE TO.

0. Mary can't go to the cinema. She <u>has to</u> look after her sister tonight.

1. My parents can't go to Italy. They ..... work this summer.
2. My friends ..... get up early tomorrow because it's Sunday.
3. Caroline ..... clean her car today because it's raining.
4. Children ..... work. They have to go to school.
5. Peter ..... read a lot of books because he's studying literature.

LIVEWORKSHEETS

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE (10 questions)

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/s4-w28-classwork-ket-part-2

I. Listen again to the recording from the Classwork on page 2. Choose the correct answers.

1. Why is the school making another calendar?

A. Students asked for it.

B. Last year's calendar was popular.

C. The old calendar was expensive.

2. What kind of pictures will be included?

A. Only photographs

B. Only drawings

C. Both photos and drawings

3. Why did the school change the competition date?

A. They needed more time.

B. They must print the calendar early.

C. Students were on holiday.

4. What will be different for each month?

A. A drawing

B. A teacher

C. A colour

5. Where does Mrs Rivers work?

A. Music department

B. Science department

C. Geography department

II. Listen again to the recording from the Classwork on page 2. Mark (x) True or False.

	True	False
1. The school calendar last year was not successful.		
2. The new calendar will be cheaper to make.		
3. Students must enter photos, not drawings.		
4. The competition date was first planned earlier than October 12th.		
5. The best drawing will be used on the front cover.		

LIVEWORKSHEETS